



Capella® WF
Dầu máy nén lạnh

Bảng dữ liệu sản phẩm

Ưu điểm

Giảm thời gian ngừng máy

Điểm kết tinh Freon và nhiệt độ rót chảy rất thấp giúp duy trì tính lưu động của nhớt và ngăn ngừa hình thành cặn sáp, đảm bảo sự vận hành hiệu quả của giàn bay hơi và độ sạch của đường ống và các thiết bị kiểm soát tác nhân lạnh. Khả năng bôi trơn tốt giúp chống lại sự mài mòn các chi tiết máy nén.

Kéo dài tuổi thọ máy nén và gioăng phớt

Độ bền nhiệt tuyệt hảo giúp giảm thiểu sự hình thành cặn bùn, gôm và véc ni.

Kéo dài thời gian sử dụng nhớt

Khả năng chống ô xy hóa tuyệt vời giúp chống lại sự hóa đặc của dầu và sự hình thành cặn bẩn, đảm bảo kéo dài định kỳ thay nhớt.

Giảm chi phí

Khả năng sử dụng cho nhiều loại tác nhân lạnh sẽ giảm thiểu sự tồn kho và tránh được việc sử dụng nhầm dầu.

Ứng dụng

- Các máy nén của máy làm lạnh, loại rô to hoặc pít tông
- Hệ thống điều hòa
- Các máy nén của máy làm lạnh dùng tác nhân lạnh chlorofluorocarbons (CFCs)
- Các máy nén của máy làm lạnh dùng tác nhân lạnh a-mô-ni-ắc, carbon dioxide, sulfur dioxide hydrochlorofluorocarbons (HCFCs), hoặc ethylene chloride

Các hệ thống dùng tác nhân lạnh HFC như HFC 134a thì được khuyến nghị dùng nhớt Capella HFC của Texaco.

Đối với các hệ thống lạnh công nghiệp lớn dùng a-mô-ni-ắc thì dầu Ammonia Refrigeration Oil hay Capella A có thể sẽ cho hiệu năng tốt hơn

Không dùng cho các máy nén cung cấp khí để thở.

Đặc tính sản phẩm:

• Capella® WF là nhớt chất lượng cao, hầu như không chứa sáp, dùng để bôi trơn các máy nén của máy làm lạnh và máy điều hòa không khí không sử dụng tác nhân lạnh HFC (hydrofluorocarbon). Được pha chế từ dầu gốc naphten đặc biệt lấy từ khoảng nhiệt độ chưng cất hẹp, có nhiệt độ đông đặc và kết tinh Freon cực thấp.



Thông số kỹ thuật

CAPELLA® WF CÁC ĐẶC TÍNH CHÍNH			
Cấp độ nhớt ISO	32	46	68
Mã sản phẩm	520401	520403	520404
Chỉ số a-xít, mg KOH/g	0.01	0.01	0.01
Điểm chớp cháy cốc hở, °C	186	194	198
Điểm kết tinh Freon, °C	-60	-55	-50
Điểm rót chảy, °C	-39	-36	-30
Độ nhớt,			
mm ² /s ở 40°C	31.0	46.8	65.0
mm ² /s ở 100°C	4.5	5.6	6.7
Chỉ số độ nhớt	9	20	24
Độ cách điện, KV tối thiểu	40	40	40

0906

Các tiêu chuẩn hiệu năng

- British Standard BS 2626:1992, Type A Lubricant
- APV - Baker (ISO VG 68)
- Bitzer Kuhlmaschinenbau (ISO VG 32, 46, 68)
- Bock
- Carrier (ISO VG 32)
- Copeland (ISO VG 32)
- Gram (ISO VG 68)
- Grasso (ISO VG 68)
- Linde
- McQuay (ISO VG 68)
- Mycom (ISO VG 32, 46)
- Sabroe (ISO VG 68)
- ABB Stal Refrigeration AB
- Sullair (ISO VG 68)
- Technofrigo Dell'Osto (ISO VG 68)
- York (ISO VG 32, 68)

MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE và SỰ AN TOÀN

Thông tin về các vấn đề này có trong Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS) và Tài liệu hướng dẫn an toàn cho sản phẩm Caltex. Khách hàng nên tham khảo các tài liệu này và tuân thủ các hướng dẫn và quy định của luật pháp về sử dụng và thải bỏ dầu nhớt. Để có Phiếu MSDS hãy vào trang web: www.caltexoils.com.

Bảng dữ liệu Sản phẩm này được biên soạn với tinh thần trung thực, căn cứ trên các thông tin tốt nhất có được tại thời điểm phát hành. Mặc dù những số liệu đưa ra trên đây là tiêu biểu nhưng vẫn có thể có sai số nhỏ, không ảnh hưởng đến hiệu năng của sản phẩm. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng sản phẩm đúng với các ứng dụng đã chỉ định.

Phát hành bởi:

Chevron Lubricants

- Châu Á Thái Bình Dương



Capella® WF

Dầu máy nén lạnh

Bảng dữ liệu sản phẩm

Lưu ý khi sử dụng

Trong các máy nén lạnh kiểu pít tông và rô to, việc nhớt bôi trơn lọt vào hệ thống tuần hoàn tác nhân lạnh là điều không tránh khỏi và có thể làm hạn chế khoảng nhiệt độ khả dụng.

Một số tác nhân lạnh, chẳng hạn như am-mô-ni-ắc và các chất HCFC, khó trộn lẫn với nhớt. Trong trường hợp này nhiệt độ thấp nhất mà hệ thống có thể hoạt động là nhiệt độ mà tại đây nhớt bắt đầu đông đặc và bám vào bề mặt thiết bị bay hơi hoặc xung quanh van giãn nở. Ở những hệ thống này hiệu năng hoạt động tốt dưới nhiệt độ đông đặc của dầu tùy thuộc vào khả năng thổi khí nóng từ máy nén lên thiết bị bay hơi theo chu kỳ để làm tan lượng nhớt đông đặc tại đó. Capella WF 68 đã được dùng trong những hệ thống như vậy với nhiệt độ xuống đến -50°C.

Khi tác nhân lạnh có tính năng trộn lẫn với nhớt ở mức trung bình hoặc cao như trường hợp của CFC, thì tác nhân lạnh thường sẽ pha lẫn với nhớt đủ để tránh đông đặc. Trong trường hợp này nhiệt độ mà tại đây các tinh thể sáp trong hỗn hợp lắng xuống và bắt đầu tích tụ sẽ là nhiệt độ giới hạn. Vì vậy nhiệt độ hoạt động tối thiểu của hệ thống làm lạnh mà nhớt bôi trơn cho máy nén lạnh kiểu pít tông và rô to có thể sử dụng được xác định bằng điểm kết tinh Freon của nhớt.

Cho các hệ thống lạnh công nghiệp lớn dùng a-mô-ni-ắc, hiệu năng siêu việt có thể đạt được với nhớt Ammonia Refrigeration Oil là một sản phẩm gốc paraffin được sản xuất riêng cho ứng dụng này. Cho các hệ thống lạnh a-mô-ni-ắc có nhiệt độ thiết bị bay hơi xuống tới -50°C, nhớt Capella A của Caltex được khuyến nghị.

Ngoài các đặc tính nhiệt độ thấp tốt, độ khô cũng rất quan trọng đối với nhớt lạnh. Capella WF được xuất xưởng với lượng ẩm hòa tan cực kỳ thấp, nhưng bất kỳ sự tiếp xúc nào với không khí do bình chứa không được đóng kín cũng gây hấp thụ nước nhanh chóng. Quá trình vận chuyển, tồn trữ và xử lý phải giảm tối đa khả năng tiếp xúc với không khí và độ ẩm.

MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE và SỰ AN TOÀN

Thông tin về các vấn đề này có trong Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS) và Tài liệu hướng dẫn an toàn cho sản phẩm Caltex. Khách hàng nên tham khảo các tài liệu này và tuân thủ các hướng dẫn và quy định của luật pháp về sử dụng và thải bỏ dầu nhớt. Để có Phiếu MSDS hãy vào trang web: www.caltexoils.com.

Bảng dữ liệu Sản phẩm này được biên soạn với tinh thần trung thực, căn cứ trên các thông tin tốt nhất có được tại thời điểm phát hành. Mặc dù những số liệu đưa ra trên đây là tiêu biểu nhưng vẫn có thể có sai số nhỏ, không ảnh hưởng đến hiệu năng của sản phẩm. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng sản phẩm đúng với các ứng dụng đã chỉ định.

Phát hành bởi:

Chevron Lubricants

- Châu Á Thái Bình Dương